

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND, ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về bồi thường cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND, ngày 11/10/2019**

1. Điều 2 của Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/10/2019 đến 31/12/2020 và thay thế Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.”

2. Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Đối với cây hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.”

3. Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ số liệu về năng suất của Chi cục Thống kê cấp huyện nơi có đất bị thu hồi để xác định vụ cây hàng năm có năng suất cao nhất trong 03 năm trước liền kề; xác định giá bán trung bình tại thời điểm thu hồi đất để tính giá bồi thường cây hàng năm theo phương pháp

tính được quy định tại Điều 4 của Quyết định này gửi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định.”

4. Điểm b, Khoản 1 Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Đơn giá cây trồng

TT	NHÓM CÂY TRỒNG	ĐVT	CÁC GIAI ĐOẠN SINH TRƯỞNG			
			A	B	C	D
1	Mận	đồng/cây	50.000	190.000	250.000	75.000
2	Táo, Sơ ri	đồng/cây	50.000	210.000	280.000	85.000
3	Ổi	đồng/cây	33.000	100.000	130.000	40.000
4	Tiêu	đồng/trụ	31.000	170.000	230.000	70.000
5	Trầu	đồng/trụ	27.000	80.000	110.000	33.000
6	Chuối (cao trên 1m)	đồng/cây	25.000	50.000	-	-
7	Cam	đồng/cây	50.000	280.000	400.000	120.000
8	Quýt	đồng/cây	50.000	340.000	460.000	140.000
9	Thanh long	đồng/trụ	63.000	180.000	230.000	70.000
10	Chanh, tắc (hạnh)	đồng/cây	45.000	210.000	300.000	90.000
11	Đu đủ	đồng/cây	30.000	120.000	-	-
12	Gấc	đồng/cây	27.000	180.000	-	-

4. Điểm b, Khoản 2 Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Đơn giá cây trồng

TT	NHÓM CÂY TRỒNG	ĐVT	CÁC GIAI ĐOẠN SINH TRƯỞNG			
			A	B	C	D
1	Dâu	đồng/cây	107.000	340.000	460.000	230.000
2	Sapo, nhãn	đồng/cây	107.000	450.000	750.000	295.000
3	Bưởi	đồng/cây	115.000	410.000	800.000	400.000
4	Mít	đồng/cây	150.000	280.000	500.000	200.000
5	Dừa	đồng/cây	168.000	675.000	900.000	450.000
6	Xoài, bơ	đồng/cây	113.000	560.000	1.000.000	500.000
7	Vú sữa	đồng/cây	150.000	820.000	1.200.000	600.000
8	Cóc, Ca cao	đồng/cây	95.000	220.000	290.000	145.000
9	Sa kê	đồng/cây	122.000	300.000	500.000	250.000
10	Mãng cầu, Lêkima	đồng/cây	99.000	190.000	260.000	130.000
11	Khế, Chùm ruột, Cau, Lựu	đồng/cây	80.000	120.000	160.000	80.000

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/9/2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT.TU và HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- LĐ. VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng nghiên cứu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.6.14.02.